



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**  
*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHÀ LẠI**  
Phường Phà Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

---

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 28
CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG	29 - 30

10 \* 10,5 x 10

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**  
Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Kim Lâm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Khắc Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2012)
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên
Ông Hoàng Mạnh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Hằng	Thành viên

##### **Ban Giám đốc**

Ông Phạm Kim Lâm	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2012)
Ông Nguyễn Khắc Sơn	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2012)
Ông Vũ Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2012)
Ông Nguyễn Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thù	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2012)

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Kim Lâm  
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2013

Số: (5) /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 19 tháng 3 năm 2013, từ trang 4 đến trang 28. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 4, trong năm, Công ty đã không áp dụng hồi tố Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Cuộc kiểm toán của chúng tôi được tiến hành nhằm đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính theo luật định từ trang 4 đến trang 28 kèm theo. Các thông tin bổ sung được trình bày tại trang 29 và trang 30 không phải là một phần bắt buộc của báo cáo tài chính. Việc lập và trình bày các thông tin bổ sung này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Các thông tin bổ sung này không thuộc đối tượng của các thủ tục kiểm toán mà chúng tôi áp dụng trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính theo luật định, và vì vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về những thông tin bổ sung này.



Phạm Hoài Nam  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 19 tháng 3 năm 2013*  
*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

Vũ Mai Hương  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0897/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012		31/12/2011	
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>6.614.390.635.573</b>		<b>5.673.112.366.549</b>	
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>993.911.295.000</b>		<b>1.178.261.959.849</b>	
1. Tiền	111		9.511.295.000		423.959.849	
2. Các khoản tương đương tiền	112		984.400.000.000		1.177.838.000.000	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>3.465.051.965.073</b>		<b>2.826.901.965.073</b>	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.465.051.965.073		2.826.901.965.073	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.353.861.644.517</b>		<b>942.716.408.860</b>	
1. Phải thu khách hàng	131	7	1.234.884.193.926		895.099.760.932	
2. Trả trước cho người bán	132		61.630.618.141		47.530.596.404	
3. Các khoản phải thu khác	135	8	58.857.484.710		86.051.524	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.510.652.260)		-	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>784.260.814.928</b>		<b>688.836.123.620</b>	
1. Hàng tồn kho	141		944.393.107.620		832.424.885.538	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(160.132.292.692)		(143.588.761.918)	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>17.304.916.055</b>		<b>36.395.909.147</b>	
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		16.955.769.716		35.817.827.558	
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		349.146.339		578.081.589	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>5.453.288.373.228</b>		<b>6.104.303.409.965</b>	
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.541.593.711.216</b>		<b>3.111.582.590.957</b>	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	2.087.220.272.829		2.776.934.531.536	
- Nguyên giá	222		13.279.380.058.041		13.303.554.674.059	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.192.159.785.212)		(10.526.620.142.523)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	21.209.719.306		26.963.601.521	
- Nguyên giá	228		57.762.549.452		57.622.081.586	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(36.552.830.146)		(30.658.480.065)	
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	433.163.719.081		307.684.457.900	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.731.516.100.050</b>		<b>2.689.372.100.050</b>	
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	27.476.250.000		27.476.250.000	
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	1.193.455.770.150		1.193.455.770.150	
3. Đầu tư dài hạn khác	258	15	1.552.995.079.900		1.512.995.079.900	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	15	(42.411.000.000)		(44.555.000.000)	
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>180.178.561.962</b>		<b>303.348.718.958</b>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		5.101.598.246		11.553.779.432	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	175.076.963.716		291.794.939.526	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>12.067.679.008.801</b>		<b>11.777.415.776.514</b>	

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012		31/12/2011	
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>7.903.623.489.171</b>		<b>8.831.918.578.768</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.418.737.571.635</b>		<b>1.153.958.153.209</b>	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	447.233.514.089		495.304.569.014	
2. Phải trả người bán	312		268.805.352.276		243.645.966.474	
3. Người mua trả tiền trước	313		21.483.299		535.297.250	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	145.706.997.205		7.277.463.730	
5. Phải trả người lao động	315		59.619.794.013		26.431.063.631	
6. Chi phí phải trả	316	19	492.757.976.494		372.371.064.061	
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		3.104.890.400		6.576.472.029	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.487.563.859		1.816.257.020	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.484.885.917.536</b>		<b>7.677.960.425.559</b>	
1. Vay và nợ dài hạn	334	20	6.484.885.917.536		7.677.220.819.945	
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-		739.605.614	
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>4.164.055.519.630</b>		<b>2.945.497.197.746</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>4.164.055.519.630</b>		<b>2.945.497.197.746</b>	
1. Vốn điều lệ	411		3.262.350.000.000		3.262.350.000.000	
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		155.099.300.459		149.746.010.040	
3. Cổ phiếu quỹ	414		(125.602.728.849)		(125.602.728.849)	
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-		(717.705.848.290)	
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		263.367.426.362		268.720.716.781	
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		82.500.000.000		82.500.000.000	
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		526.341.521.658		25.489.048.064	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>12.067.679.008.801</b>		<b>11.777.415.776.514</b>	

**CÁC CHI TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2012	31/12/2011
1. Nợ khó đòi đã xử lý	107.261.329	107.261.329



Nguyễn Quang Huy  
 Người lập biểu



Lê Thế Sơn  
 Kế toán trưởng





Phạm Kim Lâm  
 Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	4.086.346.097.139	3.722.867.236.745
2 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		4.086.346.097.139	3.722.867.236.745
3 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	3.662.128.754.553	3.262.171.164.003
4 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		424.217.342.586	460.696.072.742
5 Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	659.560.791.049	459.833.239.656
6 Chi phí tài chính	22	27	269.433.582.790	842.378.360.409
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		206.288.239.379	232.659.740.923
7 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		78.720.508.300	79.990.753.964
8 Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		735.624.042.545	(1.839.801.975)
9 Thu nhập khác	31		53.331.124.292	9.618.201.944
10 Chi phí khác	32		12.801.472.939	7.778.399.969
11 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		40.529.651.353	1.839.801.975
12 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		776.153.693.898	-
13 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	144.583.244.494	-
14 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16	116.717.975.810	-
15 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		514.852.473.594	-

Nguyễn Quang Huy  
Người lập biểu

Ngày 19 tháng 3 năm 2013

Lê Thế Sơn  
Kế toán trưởng



Phạm Kim Lâm  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MÃ SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012		2011	
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	776.153.693.898			-
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
- Khấu hao tài sản cố định	02	688.458.897.139			694.662.966.422
- Các khoản dự phòng	03	15.910.183.034			9.900.607.495
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(103.874.756.847)			544.201.187.100
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(570.620.328.820)			(459.456.152.906)
- Chi phí lãi vay	06	206.288.239.379			232.659.740.923
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.012.315.927.783			1.021.968.349.034
- Biến động các khoản phải thu	09	(418.353.910.885)			229.141.573.080
- Biến động hàng tồn kho	10	(111.968.222.082)			(27.112.392.351)
- Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả)	11	437.925.732.375			163.964.256.090
- Biến động chi phí trả trước	12	6.452.181.186			(9.805.736.707)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(215.778.839.379)			(199.853.084.743)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-			69.571.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(14.328.693.161)			(16.800.842.914)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	696.264.175.837			1.161.571.692.489
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(375.825.478.673)			(150.145.298.634)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	248.000.000			1.505.211.099
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.709.920.000.000)			(3.432.338.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.071.770.000.000			2.742.961.750.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(40.000.000.000)			(461.048.270.150)
6. Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	580.472.609.191			398.541.311.777
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(473.254.869.482)			(900.523.295.908)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
1. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-			(34.736.002.028)
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(407.359.971.204)			(418.825.354.710)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(407.359.971.204)			(453.561.356.738)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(184.350.664.849)			(192.512.960.157)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.178.261.959.849			1.370.774.920.006
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	993.911.295.000			1.178.261.959.849

Nguyễn Quang Huy  
 Người lập biểu

Ngày 19 tháng 3 năm 2013

Lê Thế Sơn  
 Kế toán trưởng



Phạm Kim Lâm  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Theo Quyết định số 16/2005/QĐ-BCN ngày 30 tháng 3 năm 2005 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương), Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại được chuyển thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại, là công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. Công ty Nhiệt điện Phả Lại đã hoàn thành công tác cổ phần hoá và chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0403000380 ngày 25 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ năm số 0800296853 ngày 18 tháng 12 năm 2012, tổng vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND.

Công ty có trụ sở chính đặt tại phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.395 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.470).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHÁ LẠI**

Phường Phá Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DN**

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 ngoại trừ việc cho phép Công ty được tiếp tục xử lý các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối niên độ kế toán của các khoản công nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước trước khi Thông tư 179 có hiệu lực như theo quy định tại Thông tư 201. Quy định này tại Thông tư 179 có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) – “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn và dài hạn.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, riêng nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập trong năm cho giá trị vật tư thiết bị dự phòng dùng cho việc sửa chữa, thay thế của Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản dự phòng này được lập theo ước tính về giá trị vật tư bị suy giảm hàng năm.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2012
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	08 - 12
Phương tiện vận tải	10 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 25

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm và giá trị phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Tiếp theo)**

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**Chi phí sửa chữa lớn**

Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận toàn bộ vào chi phí kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên số dư khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" đồng thời với khoản mục "Chi phí phải trả" trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là một công ty mà Công ty có quyền kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này. Trên báo cáo tài chính riêng, đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Trên báo cáo tài chính riêng, đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia và hoá đơn được phát hành.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Trong năm, Công ty đã không áp dụng hồi tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 ngoại trừ việc cho phép Công ty được tiếp tục xử lý các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối niên độ kế toán của các khoản công nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước trước khi Thông tư 179 có hiệu lực như theo quy định tại Thông tư 201.

Trong năm 2012, Công ty thực hiện phân bổ toàn bộ chênh lệch tỷ giá tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 với số tiền là 717.705.848.290 VND vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo các quy định hiện hành về ưu đãi miễn giảm thuế, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Năm 2012 là năm thứ hai Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cũng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	41.302.184	70.756.105
Tiền gửi ngân hàng	9.469.992.816	353.203.744
Các khoản tương đương tiền (i)	984.400.000.000	1.177.838.000.000
	<b>993.911.295.000</b>	<b>1.178.261.959.849</b>

- (i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng. Các khoản này được tính lãi theo lãi suất cố định và có thể chuyển đổi thành tiền gửi không kỳ hạn vào bất kỳ thời điểm nào.

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.445.000.000.000	55.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn khác (ii)	2.020.051.965.073	2.771.901.965.073
	<b>3.465.051.965.073</b>	<b>2.826.901.965.073</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- (i) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên ba tháng nhưng dưới một năm. Các khoản này được tính theo lãi suất cố định.
- (ii) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác bao gồm khoản ủy thác đầu tư tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (BVFMC), và khoản tiền Tập đoàn Điện lực Việt Nam huy động vốn từ Công ty.

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu tiền điện (i)	1.091.595.212.489	732.504.499.886
Dự thu lãi tiền gửi, đầu tư tài chính	133.547.910.075	158.336.926.135
Phải thu khách hàng khác	9.741.071.362	4.258.334.911
	<b>1.234.884.193.926</b>	<b>895.099.760.932</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.510.652.260)	-
	<b>1.233.373.541.666</b>	<b>895.099.760.932</b>

- (i) Ngày 12 tháng 6 năm 2012, Công ty ký Biên bản thỏa thuận về việc chậm thanh toán tiền điện với Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EPTC"), theo đó tiền điện phải thu từ Công ty Mua bán điện được thanh toán chậm hơn so với lịch thanh toán trong hợp đồng mua bán điện.

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu Tập đoàn Điện lực Việt Nam (i)	58.640.804.046	-
Các khoản phải thu khác	216.680.664	86.051.524
	<b>58.857.484.710</b>	<b>86.051.524</b>

- (i) Phải thu Tập đoàn Điện lực Việt Nam liên quan đến điều chỉnh quyết toán dây chuyền số 2 Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	938.273.513.667	826.400.327.901
Công cụ, dụng cụ	6.093.103.071	5.821.728.079
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.490.882	6.000.000
Thành phẩm	-	196.829.558
	<b>944.393.107.620</b>	<b>832.424.885.538</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(160.132.292.692)	(143.588.761.918)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>784.260.814.928</b>	<b>688.836.123.620</b>

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 16.543.530.774 VND (năm 2011: 5.411.607.495 VND).



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MAU SỐ B 09-DN

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản có định khác		Đơn vị: VND
					Tài sản có định khác	Tổng cộng	
<b>NGUYÊN GIÁ</b>							
Tại ngày 01/01/2012	1.712.650.606.158	11.484.803.756.721	64.261.732.797	38.785.081.319	3.053.497.064	13.303.554.674.059	
Tăng trong năm	314.580.132	33.818.597.013	15.311.383.465	6.410.900.866	18.636.364	55.874.097.840	
Mua sắm mới	-	4.479.416.612	-	3.692.559.775	18.636.364	8.190.612.751	
Tăng khác	314.580.132	29.339.180.401	15.311.383.465	2.718.341.091	-	47.683.485.089	
Giảm trong năm	9.748.380.974	68.081.423.004	1.627.381.612	571.978.268	19.550.000	80.048.713.858	
Thanh lý, nhượng bán	-	117.258.800	1.627.381.612	571.978.268	19.550.000	2.336.168.680	
Giảm khác (i)	9.748.380.974	67.964.164.204	-	-	-	77.712.545.178	
Tại ngày 31/12/2012	1.703.216.805.316	11.450.540.930.730	77.945.734.650	44.624.003.917	3.052.583.428	13.279.380.058.041	
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>							
Tại ngày 01/01/2012	1.207.884.561.427	9.246.993.624.893	36.968.214.648	33.234.497.068	1.539.244.487	10.526.620.142.523	
Tăng trong năm	46.967.025.603	626.870.832.527	19.497.188.188	5.794.368.767	367.771.406	699.497.186.491	
Trích khấu hao	46.598.252.102	626.870.832.527	4.818.742.190	3.908.948.833	367.771.406	682.564.547.058	
Tăng khác	368.773.501	-	14.678.445.998	1.885.419.934	-	16.932.639.433	
Giảm trong năm	2.476.568.563	29.326.697.682	1.570.134.382	564.593.175	19.550.000	33.957.543.802	
Thanh lý, nhượng bán	-	111.676.073	1.570.134.382	564.593.175	19.550.000	2.265.953.630	
Giảm khác (i)	2.476.568.563	29.215.021.609	-	-	-	31.691.590.172	
Tại ngày 31/12/2012	1.252.375.018.467	9.844.537.759.738	54.895.268.454	38.464.272.660	1.887.465.893	11.192.159.785.212	
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
Tại ngày 31/12/2012	450.841.786.849	1.606.003.170.992	23.050.466.196	6.159.731.257	1.165.117.535	2.087.220.272.829	
Tại ngày 31/12/2011	504.766.044.731	2.237.810.131.828	27.293.518.149	5.550.584.251	1.514.252.577	2.776.934.531.536	

(i) Bao gồm giảm khác theo Biên bản điều chỉnh quyết toán đầy chuyển 2 Nhà máy điện Phả Lại của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với giá trị là 4.569.432.420.490 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 4.549.403.236.203 VND).



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị: VND

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm kế toán</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>NGUYỄN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	57.274.433.766	347.647.820	57.622.081.586
Tăng trong năm	140.467.866	-	140.467.866
Tại ngày 31/12/2012	57.414.901.632	347.647.820	57.762.549.452
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	30.469.483.786	188.996.279	30.658.480.065
Khấu hao trong năm	5.778.467.473	115.882.608	5.894.350.081
Tại ngày 31/12/2012	36.247.951.259	304.878.887	36.552.830.146
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2012	21.166.950.373	42.768.933	21.209.719.306
Tại ngày 31/12/2011	26.804.949.980	158.651.541	26.963.601.521

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Sửa chữa lớn tài sản cố định	432.547.662.803	307.068.401.622
Xây dựng cơ bản khác	616.056.278	616.056.278
	<u>433.163.719.081</u>	<u>307.684.457.900</u>

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	27.476.250.000	27.476.250.000

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
		<u>%</u>	<u>%</u>	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	Hải Dương	50	60	Sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy điện

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	1.193.455.770.150	1.193.455.770.150

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu %</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng	21,49	21,49	Sản xuất điện

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện việc đánh giá thận trọng khoản đầu tư vào công ty liên kết và tin tưởng rằng không cần trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này.

**15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay (i)	350.000.000.000	350.000.000.000
Đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	118.151.962.500	118.151.962.500
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (iii)	817.295.117.400	817.295.117.400
Góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (iii)	70.800.000.000	70.800.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (iii)	100.000.000.000	60.000.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (iii)	50.250.000.000	50.250.000.000
Đầu tư chứng khoán khác (iv)	46.498.000.000	46.498.000.000
	<b>1.552.995.079.900</b>	<b>1.512.995.079.900</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(42.411.000.000)	(44.555.000.000)
	<b>1.510.584.079.900</b>	<b>1.468.440.079.900</b>

(i) **Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay:** Công ty cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay vốn để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Lai Châu. Hợp đồng có thời hạn 15 năm và số tiền cho vay được hình thành do bù trừ khoản phải thu của Công ty với Công ty Mua bán điện.

(ii) **Đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam:** Hợp đồng mua bán chứng khoán niêm yết theo phương thức giao dịch thỏa thuận với số tiền là 117.975.000.000 VND với mục đích mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Trái phiếu có thể được Tổ chức phát hành mua lại vào ngày 19 tháng 5 năm 2016.

(iii) Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh, Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam và Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với tỷ lệ vốn góp lần lượt là 16,35%, 15%, 10% và 19,30%. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế chưa được góp đủ như kế hoạch nhưng chưa có gia hạn góp vốn.

(iv) **Đầu tư chứng khoán khác:** là khoản đầu tư mua 670.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá thận trọng các khoản đầu tư dài hạn này và tin tưởng rằng không cần trích lập dự phòng giảm giá, ngoại trừ khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các kỳ kế toán trước.

	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2011	291.794.939.526	34.544.288.606	326.339.228.132
Điều chỉnh vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	(34.544.288.606)	(34.544.288.606)
Tại ngày 01/01/2012	291.794.939.526	-	291.794.939.526
Ghi nhận vào chi phí trong năm	(116.717.975.810)	-	(116.717.975.810)
Tại ngày 31/12/2012	175.076.963.716	-	175.076.963.716

**17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20)	447.233.514.089	495.304.569.014
	<b>447.233.514.089</b>	<b>495.304.569.014</b>

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	144.583.244.494	-
Thuế thu nhập cá nhân	221.983.600	66.170.400
Các loại thuế khác	901.769.111	7.211.293.330
	<b>145.706.997.205</b>	<b>7.277.463.730</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Lãi vay phải trả	53.029.400.000	62.520.000.000
Sửa chữa lớn chưa quyết toán	432.547.662.803	307.068.401.622
Các khoản khác	7.180.913.691	2.782.662.439
	<b>492.757.976.494</b>	<b>372.371.064.061</b>

**20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2012		31/12/2011	
	JPY	VND tương đương	JPY	VND tương đương
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	28.779.505.248	6.932.119.431.625	30.636.247.522	8.172.525.388.959
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(1.856.742.274)	(447.233.514.089)	(1.856.742.274)	(495.304.569.014)
<b>Số dư vay dài hạn</b>	<b>26.922.762.974</b>	<b>6.484.885.917.536</b>	<b>28.779.505.248</b>	<b>7.677.220.819.945</b>

Khoản vay trên được thực hiện bằng Yên Nhật Bản (JPY) theo Hợp đồng số 002/2006/HDCVL ngày 30 tháng 11 năm 2006 về việc Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho Công ty vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản vay này bắt đầu được ghi nhận tại thời điểm bàn giao vốn Nhà nước cho Công ty Cổ phần là ngày 26 tháng 12 năm 2006. Thời hạn cho vay lại là 22 năm 6 tháng, gốc vay và lãi vay được trả mỗi năm hai kỳ vào ngày 20 tháng 3 và 20 tháng 9 hàng năm với số tiền gốc bằng nhau cho mỗi kỳ là 1.124.639.158 JPY. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 03 năm 2006 và kỳ cuối cùng vào ngày 20 tháng 03 năm 2028. Lãi suất vay là lãi suất cho vay lại của Bộ Tài chính theo từng hiệp định vay vốn được thông báo bởi Bộ Tài chính (bao gồm lãi suất cho vay của JBIC và phí quản lý khoản vay của Bộ Tài chính). Lãi suất cho vay bình quân của các khoản vay theo từng hiệp định là 2,43%/năm, phí cho vay lại của Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 0,2%/năm. Lãi vay và phí cho vay lại được tính trên số dư nợ gốc vay và số ngày thực tế trong kỳ tính lãi. Khoản vay này được Bộ Tài chính bảo lãnh với JBIC và không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	JPY	VND tương đương	JPY	VND tương đương
Trong vòng một năm	1.856.742.274	447.233.514.089	1.856.742.274	495.304.569.014
Trong năm thứ hai	1.856.742.274	447.233.514.089	1.856.742.274	495.304.569.014
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.570.226.822	1.341.700.542.268	5.570.226.822	1.485.913.707.037
Sau năm năm	19.495.793.878	4.695.951.861.179	21.352.536.152	5.696.002.543.894
	<b>28.779.505.248</b>	<b>6.932.119.431.625</b>	<b>30.636.247.522</b>	<b>8.172.525.388.959</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(1.856.742.274)	(447.233.514.089)	(1.856.742.274)	(495.304.569.014)
<b>Số phải trả dài hạn</b>	<b>26.922.762.974</b>	<b>6.484.885.917.536</b>	<b>28.779.505.248</b>	<b>7.677.220.819.945</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MAU SỐ B 09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	3.262.350.000.000	108.544.202.558	(90.866.726.821)	-	309.922.524.263	82.500.000.000	55.296.954.984
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(34.736.002.028)	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá trong năm	-	-	-	(717.705.848.290)	-	-	-
Chuyển các quỹ trong năm	-	41.201.807.482	-	-	(41.201.807.482)	-	-
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	(29.807.906.920)
Số dư tại ngày 01/01/2012	3.262.350.000.000	149.746.010.040	(125.602.728.849)	(717.705.848.290)	268.720.716.781	82.500.000.000	25.489.048.064
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	514.852.473.594
Phân bổ chênh lệch tỷ giá trong năm (i)	-	-	-	717.705.848.290	-	-	-
Trích các quỹ trong năm (ii)	-	5.353.290.419	-	-	(5.353.290.419)	-	(14.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2012	3.262.350.000.000	155.099.300.459	(125.602.728.849)	-	263.367.426.362	82.500.000.000	526.341.521.658

(i) Công ty thực hiện phân bổ khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tỷ giá đầu kỳ vào chi phí tài chính trong năm với số tiền là 717.705.848.290 VND.

(ii) Công ty thực hiện phân phối vào quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 56 ngày 07 tháng 3 năm 2012 với số tiền là 14.000.000.000 VND. Khoản phân phối này sẽ được điều chỉnh theo số chính thức được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
 Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

<b>Cổ phiếu</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	326.235.000	326.235.000
+ Cổ phiếu phổ thông	326.235.000	326.235.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	8.080.386	8.080.386
+ Cổ phiếu phổ thông	8.080.386	8.080.386
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	318.154.614	318.154.614
+ Cổ phiếu phổ thông	318.154.614	318.154.614
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ năm ngày 18 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ.

**22. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Công ty có trụ sở chính và hoạt động tại phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Theo đó, toàn bộ Công ty được coi là một bộ phận lập báo cáo tài chính.

**23. DOANH THU**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Hoạt động sản xuất điện</b>	<b>4.067.347.558.838</b>	<b>3.712.504.992.434</b>
Doanh thu bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.064.421.376.542	3.710.025.532.005
Điện tự dùng	2.926.182.296	2.479.460.429
<b>Hoạt động khác</b>	<b>18.998.538.301</b>	<b>10.362.244.311</b>
Doanh thu hoạt động khác	18.998.538.301	10.362.244.311
	<b>4.086.346.097.139</b>	<b>3.722.867.236.745</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2012	2011
	VND	VND
<b>Hoạt động sản xuất điện</b>	<b>3.657.910.118.700</b>	<b>3.261.004.242.349</b>
Chi phí than, dầu	2.106.528.855.021	1.855.165.766.718
Chi phí khấu hao	672.849.720.927	692.816.634.654
Chi phí sửa chữa lớn	477.416.901.781	375.380.749.423
Chi phí sửa chữa thường xuyên	160.626.281.808	132.686.919.932
Chi phí lương và bảo hiểm xã hội	216.190.309.999	185.697.079.379
Chi phí phụ liệu	8.487.087.859	18.092.769.482
Chi phí khác	15.810.961.305	1.164.322.761
<b>Hoạt động khác</b>	<b>4.218.635.853</b>	<b>1.166.921.654</b>
	<b>3.662.128.754.553</b>	<b>3.262.171.164.003</b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2012	2011
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.329.929.297.947	2.170.636.938.347
Chi phí nhân công	252.748.749.787	194.950.533.529
Chi phí khấu hao tài sản cố định	685.758.711.851	692.926.498.492
Chi phí dịch vụ mua ngoài	321.357.811.789	200.493.989.915
Chi phí khác	150.857.861.921	83.207.685.594
	<b>3.740.652.433.295</b>	<b>3.342.215.645.877</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2012	2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	475.857.015.693	348.638.638.455
Lãi từ hoạt động đầu tư tài chính	79.826.577.438	111.012.513.166
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.441.071	182.088.035
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	103.874.756.847	-
	<b>659.560.791.049</b>	<b>459.833.239.656</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, lãi thuần chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện của Công ty là 103.874.756.847 VND (31 tháng 12 năm 2011: lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện là 717.705.848.290 VND ghi nhận trên chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái phần Vốn chủ sở hữu).

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2012	2011
	VND	VND
Lãi tiền vay dài hạn	206.288.239.379	232.659.740.923
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện	65.091.213.517	60.362.691.329
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	544.621.978.662
Chi phí dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(2.144.000.000)	4.489.000.000
Chi phí tài chính khác	198.129.894	244.949.495
	<b>269.433.582.790</b>	<b>842.378.360.409</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2012	2011
	VND	VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm</b>		
Lợi nhuận trước thuế	776.153.693.898	-
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(1.175.754.107)	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2.750.000.000)	-
Cổ tức được chia	2.750.000.000	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.574.245.893	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>774.977.939.791</b>	<b>-</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Thu nhập từ hoạt động chính</b>	<b>280.921.374.021</b>	<b>-</b>
<b>Thu nhập từ hoạt động khác</b>	<b>494.056.565.770</b>	<b>-</b>
<i>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</i>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động chính	7,5%	0%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động khác	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	144.583.244.494	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (i)	116.717.975.810	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>261.301.220.304</b>	<b>-</b>

(i) Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước trong Biên bản kiểm toán báo cáo tài chính năm 2010.

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản vay	6.932.119.431.625	8.172.525.388.959
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	993.911.295.000	1.178.261.959.849
Nợ thuần	5.938.208.136.625	6.994.263.429.110
Vốn chủ sở hữu	4.164.055.519.630	2.945.497.197.746
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>1,43</b>	<b>2,37</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	993.911.295.000	1.178.261.959.849
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.292.231.026.376	895.185.812.456
Đầu tư ngắn hạn	3.465.051.965.073	2.826.901.965.073
Đầu tư dài hạn khác	1.510.584.079.900	1.468.440.079.900
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.261.778.366.349</b>	<b>6.368.789.817.278</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	6.932.119.431.625	8.172.525.388.959
Phải trả người bán và phải trả khác	271.910.242.676	250.222.438.503
Chi phí phải trả	59.594.257.413	64.686.606.161
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.263.623.931.714</b>	<b>8.487.434.433.623</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Yên Nhật Bản (JPY)	6.932.119.431.625	8.172.525.388.959	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Rủi ro thị trường (Tiếp theo)***

***Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ***

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Yên Nhật Bản.

Công ty thực hiện phân tích độ nhạy đối với đồng Yên Nhật Bản trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với đồng tiền này. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nếu Yên Nhật Bản tăng/giảm 10% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính sẽ thấp/cao hơn một khoản là 693.211.942.884 đồng Việt Nam do lỗ/lãi chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng Yên Nhật Bản.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 31.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có, và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

11/01/2013  
C  
H  
T  
E

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>31/12/2012</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	993.911.295.000	-	-	993.911.295.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.292.231.026.376	-	-	1.292.231.026.376
Đầu tư ngắn hạn	3.465.051.965.073	-	-	3.465.051.965.073
Đầu tư dài hạn khác	-	46.498.000.000	1.464.086.079.900	1.510.584.079.900
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.751.194.286.449</b>	<b>46.498.000.000</b>	<b>1.464.086.079.900</b>	<b>7.261.778.366.349</b>
<b>31/12/2012</b>				
Các khoản vay	447.233.514.089	1.788.934.056.357	4.695.951.861.179	6.932.119.431.625
Phải trả người bán và phải trả khác	271.910.242.676	-	-	271.910.242.676
Chi phí phải trả	59.594.257.413	-	-	59.594.257.413
<b>Tổng cộng</b>	<b>778.738.014.178</b>	<b>1.788.934.056.357</b>	<b>4.695.951.861.179</b>	<b>7.263.623.931.714</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>4.972.456.272.271</b>	<b>(1.742.436.056.357)</b>	<b>(3.231.865.781.279)</b>	<b>(1.845.565.365)</b>
	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>31/12/2011</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.178.261.959.849	-	-	1.178.261.959.849
Phải thu khách hàng và phải thu khác	895.185.812.456	-	-	895.185.812.456
Đầu tư ngắn hạn	2.826.901.965.073	-	-	2.826.901.965.073
Đầu tư dài hạn khác	-	46.498.000.000	1.421.942.079.900	1.468.440.079.900
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.900.349.737.378</b>	<b>46.498.000.000</b>	<b>1.421.942.079.900</b>	<b>6.368.789.817.278</b>
<b>31/12/2011</b>				
Các khoản vay	495.304.569.014	1.981.218.276.051	5.696.002.543.894	8.172.525.388.959
Phải trả người bán và phải trả khác	250.222.438.503	-	-	250.222.438.503
Chi phí phải trả	64.686.606.161	-	-	64.686.606.161
<b>Tổng cộng</b>	<b>810.213.613.678</b>	<b>1.981.218.276.051</b>	<b>5.696.002.543.894</b>	<b>8.487.434.433.623</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>4.090.136.123.700</b>	<b>(1.934.720.276.051)</b>	<b>(4.274.060.463.994)</b>	<b>(2.118.644.616.345)</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	2012 VND	2011 VND
<b>Doanh thu</b>		
Bán điện cho Công ty Mua bán điện	4.064.421.376.542	3.710.025.532.005
<b>Trả gốc vay và lãi vay</b>		
Trả gốc vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	407.359.971.204	418.825.354.710
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	206.288.239.379	232.659.740.923
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	170.116.802.484	142.780.658.835
<b>Cung cấp hàng hóa và dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	4.312.607.699	-
<b>Lãi đầu tư, cho vay</b>		
Thu nhập lãi cho vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	329.997.222.222	210.797.638.888
<b>Cổ tức được chia</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	2.750.000.000	1.250.000.000

*Số dư với các bên liên quan:*

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	6.932.119.431.625	8.172.525.388.959
Phải thu Công ty Mua bán điện	1.091.595.212.489	732.504.499.886
Phải thu khác Tập đoàn Điện lực Việt Nam	58.640.804.046	-
Phải trả Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	83.207.218.894	62.720.231.264
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải phòng	1.193.455.770.150	1.193.455.770.150
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	817.295.117.400	817.295.117.400
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	27.476.250.000	27.476.250.000
Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay	2.350.000.000.000	2.350.000.000.000

*Thu nhập của Ban Giám đốc*

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Lương, thu nhập Ban Giám đốc	1.421.665.300	1.332.810.727

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÀU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán và khoản mục "Chi phí hoạt động tài chính" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh không so sánh được với số liệu tương ứng năm trước do Công ty không áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán liên quan đến xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như trình bày tại Thuyết minh số 3.

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.




Nguyễn Quang Huy  
Người lập biểu

Ngày 19 tháng 3 năm 2013



Lê Thế Sơn  
Kế toán trưởng



Phạm Kim Lâm  
Tổng Giám đốc

101 - H T M

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Các thông tin bổ sung

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐIỆN THEO YÊU TỐ  
LOẠI HÌNH: 112 – NHIỆT ĐIỆN CHẠY THAN**

Đơn vị: VND

		2012
1. Nhiên liệu	10	2.070.824.117.575
2. Vật liệu	20	121.775.754.443
3. Lương và bảo hiểm xã hội	30	240.085.031.974
- Lương cán bộ, công nhân viên	31	223.688.086.000
- BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	32	16.396.945.974
4. Khấu hao tài sản cố định	40	685.718.785.451
5. Các khoản dịch vụ mua ngoài	50	6.385.500.528
- Điện dùng nội bộ	51	326.269.705
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	52	6.059.230.823
6. Chi phí sửa chữa lớn	60	476.759.344.105
- Sửa chữa lớn thuê ngoài	61	476.759.344.105
8. Chi phí bằng tiền khác	80	135.082.092.924
- Thuế tài nguyên	81	7.152.911.940
- Thuế đất	82	3.400.659.400
- Ăn ca	83	10.896.018.000
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	84	88.125.886
- Dự phòng nợ khó đòi,	85	1.510.652.260
- Chi phí bằng tiền khác	86	112.033.725.438
<b>Cộng</b>	<b>AA</b>	<b>3.736.630.627.000</b>

Y  
/S  
/HA  
/E  
/M  
/HB

**PHỤ LỤC 2: BẢO CÁO CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐIỆN THEO YÊU TỐ  
 TỔNG HỢP CÁC LOẠI HÌNH**

Đơn vị: VND

		2012
1. Nhiên liệu	10	2.070.824.117.575
2. Vật liệu	20	121.775.754.443
3. Lương và bảo hiểm xã hội	30	240.085.031.974
- Lương cán bộ, công nhân viên	31	223.688.086.000
- BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	32	16.396.945.974
4. Khấu hao tài sản cố định	40	685.718.785.451
5. Các khoản dịch vụ mua ngoài	50	6.385.500.528
- Điện dùng nội bộ	51	326.269.705
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	52	6.059.230.823
6. Chi phí sửa chữa lớn	60	476.759.344.105
- Sửa chữa lớn thuê ngoài	61	476.759.344.105
8. Chi phí bằng tiền khác	80	135.082.092.924
- Thuế tài nguyên	81	7.152.911.940
- Thuế đất	82	3.400.659.400
- Ăn ca	83	10.896.018.000
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	84	88.125.886
- Dự phòng nợ khó đòi,	85	1.510.652.260
- Chi phí bằng tiền khác	86	112.033.725.438
<b>Cộng</b>	<b>AA</b>	<b>3.736.630.627.000</b>
9. Chi phí lãi vay	B	206.288.239.379
10. Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện năm 2012	C	(38.785.984.401)
+ Chênh lệch tỷ giá năm 2012	I	(38.785.984.401)
11. Giảm giá thành do thanh lý, nhượng bán vật tư thu hồi	D	(190.752.770)
12. Giảm giá thành do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	E	12.967.820
<b>Tổng cộng (H = AA+B+C+D+E)</b>		<b>3.903.955.097.028</b>
Sản lượng điện tính giá thành	X	4.891.390.805
Giá thành đơn vị (Y=H:X)	Y	798

Nguyễn Quang Huy  
 Người lập biểu

Ngày 19 tháng 3 năm 2013

Lê Thế Sơn  
 Kế toán trưởng



Phạm Kim Lâm  
 Tổng Giám đốc